

3

ĐSQ VIỆT NAM TẠI NHẬT BẢN
Embassy of Vietnam in Japan

HỌ CHIÊU PASSPORT	Loại / Type P	Mã số / Code VNM	Số hộ chiếu / Passport No. Q00689823
	Họ / Surname CHU	Số hộ chiếu / Passport No. Q00689823	
	Chữ đệm và tên / Given names VŨ NGỌC SƠN	Số hộ chiếu / Passport No. Q00689823	
	Quốc tịch / Nationality VIỆT NAM / VIETNAMESE	Số hộ chiếu / Passport No. Q00689823	
	Ngày sinh / Date of birth 25/01/1994	Giới tính / Sex NAM/M	
	Nơi sinh / Place of birth Cần Thơ	Số ĐCCN, CMND / ID No. 362447018	
Ngày cấp / Date of issue 17/02/2025	Ngày hết hạn / Date of expiry 17/02/2035		

P<VNMCHU<<VU<NGOC<SON<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
Q006898232VNM9401253M3502170362447018<<<<92

NOTICE
DEPARTED
FUKUOKA, P.
18. JUL. 2019
IMMIGRATION
5253

5253

[illegible]

証直國市日

EA2048250

Date of issue
19 JUL 16

Date of expiry
19 OCT 16

Issue No.
16B31708

For stay(s) of
1 YEAR

Category
(G) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)

Surname/Given Name
CHU VU NGOC SON

Passport No.
C0864116

Sex
M

Date of birth
25 JAN

Nationality
VNM

No

Remarks

TBY16-009325

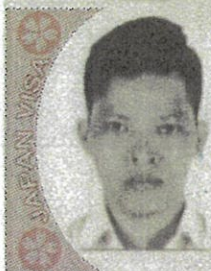
V<JPNCHU<<VU<NGOC<SON<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C0864116<2VNM9401253M161019816B31708620A<G07

VIET NAM - THI THUC
01 NOV 2013
201A



JAPAN VISA
日本国直轄

EC6043175



Place of issue
HANOI

Date of Issue
23 OCT 19

Date of expiry
23 JAN 20

No. of entries
SINGLE

Issue No.
19B82225

For stay(s) of
1 YEAR

Category

Category
(E) AS TECH. INTERN TRAINING (III) (B)

Surname/Given name
CHU VU NGOC SON

Passport No.	Sex	Date of birth	Nationality	No.
C0864116	M	25 JAN 94	VNM	

Remarks

BCY19-030482

V<JPNCHU<<VU<NGOC<SON<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C0864116<2VNM9401253M200123019B82225620A<E21